

PHỤ LỤC I

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN

(Kèm theo Thông báo số:            ngày            tháng 01 năm 2024 của UBND huyện Từ Kỳ)

| STT                                                            | LĨNH VỰC            | TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH                                                                                                                                                                                                                   |
|----------------------------------------------------------------|---------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC LĨNH VỰC LAO ĐỘNG-TB&XH (21) |                     |                                                                                                                                                                                                                                          |
| 1                                                              | Người có công (1)   | Thăm viếng mộ liệt sĩ                                                                                                                                                                                                                    |
| 2                                                              | Bảo trợ xã hội (14) | Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội                                                                                                                                                                                     |
| 3                                                              |                     | Nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp                                                                                                                                                                                  |
| 4                                                              |                     | Thủ tục Quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, trong và ngoài tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương |
| 5                                                              |                     | Thủ tục chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh                                                |
| 6                                                              |                     | Thủ tục Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng                                                                                                                     |
| 7                                                              |                     | Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện                                                                                                                          |
| 8                                                              |                     | Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí mai táng                                                                                                                                                                                      |
| 9                                                              |                     | Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí điều trị người bị thương nặng ngoài nơi cư trú mà không có người thân thích chăm sóc.                                                                                                         |
| 10                                                             |                     | Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện                                                                                                                                                    |
| 11                                                             |                     | Dừng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện                                                                                                                                                                       |
| 12                                                             |                     | Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung hoặc cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội                                             |

| STT                                                                 | LĨNH VỰC                                                               | TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH                                                                                                                                                                                                  |
|---------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 13                                                                  |                                                                        | Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội                                                                                                       |
| 14                                                                  |                                                                        | Giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội                                                                                                     |
| 15                                                                  |                                                                        | Cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội có giấy phép hoạt động do Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội cấp                                                                              |
| 16                                                                  | <b>Phòng, chống tệ nạn XH<br/>(4)</b>                                  | Công bố tổ chức, cá nhân đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng                                                                                                              |
| 17                                                                  |                                                                        | Công bố lại tổ chức, cá nhân đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng                                                                                                          |
| 18                                                                  |                                                                        | Công bố cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện, cơ sở cai nghiện ma túy công lập đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng                                                           |
| 19                                                                  |                                                                        | Thủ tục Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân                                                                                                                                             |
| 20                                                                  | <b>Giáo dục Nghề nghiệp<br/>(2)</b>                                    | Thủ tục cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh |
| 21                                                                  |                                                                        | Thủ tục cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thực hoặc cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài               |
| <b>DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC LĨNH VỰC TÀI CHÍNH-KH (35)</b> |                                                                        |                                                                                                                                                                                                                         |
| 22                                                                  | <b>Thành lập và hoạt động<br/>doanh nghiệp<br/>(hộ kinh doanh) (5)</b> | Thủ tục Đăng ký thành lập hộ kinh doanh                                                                                                                                                                                 |
| 23                                                                  |                                                                        | Thủ tục Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh                                                                                                                                                                 |
| 24                                                                  |                                                                        | Tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của hộ kinh doanh                                                                                                                                 |
| 25                                                                  |                                                                        | Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh                                                                                                                                                                                        |
| 26                                                                  |                                                                        | Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh                                                                                                                                                                           |

| STT | LĨNH VỰC                                                                 | TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH                                                                                                                                                                  |
|-----|--------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 27  | <b>Thành lập và hoạt động của hợp tác xã (liên hiệp hợp tác xã) (16)</b> | Thủ tục Đăng ký thành lập hợp tác xã                                                                                                                                                    |
| 28  |                                                                          | Thủ tục Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã                                                                                             |
| 29  |                                                                          | Thủ tục Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã                                                                                                                                    |
| 30  |                                                                          | Thủ tục Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã                                                                             |
| 31  |                                                                          | Thủ tục Đăng ký khi hợp tác xã chia                                                                                                                                                     |
| 32  |                                                                          | Thủ tục Đăng ký khi hợp tác xã tách                                                                                                                                                     |
| 33  |                                                                          | Thủ tục Đăng ký khi hợp tác xã hợp nhất                                                                                                                                                 |
| 34  |                                                                          | Thủ tục Đăng ký khi hợp tác xã sáp nhập                                                                                                                                                 |
| 35  |                                                                          | Thủ tục Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã (trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng) |
| 36  |                                                                          | Thủ tục giải thể tự nguyện hợp tác xã                                                                                                                                                   |
| 37  |                                                                          | Thủ tục Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã                                                                                                                                  |
| 38  |                                                                          | Thủ tục thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã                                                                                                   |
| 39  |                                                                          | Thủ tục Tạm ngừng hoạt động của hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã                                                                           |
| 40  |                                                                          | Thủ tục Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã                                                                                        |
| 41  |                                                                          | Thủ tục Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã                                                                                                                                      |
| 42  |                                                                          | Thủ tục Thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã                                                                                                                                             |
| 43  | <b>Quản lý công sản (3)</b>                                              | Mua quyền hóa đơn                                                                                                                                                                       |
| 44  |                                                                          | Mua hóa đơn lẻ                                                                                                                                                                          |

| STT                                                                      | LĨNH VỰC                                 | TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH                                                                                                                                                                     |
|--------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 45                                                                       |                                          | Thanh toán chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản công                                                                                                                                |
| <b>DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC LĨNH VỰC KINH TẾ - HẠ TẦNG (55)</b> |                                          |                                                                                                                                                                                            |
| 46                                                                       | <b>Lưu thông hàng hóa trong nước (9)</b> | Cấp Giấy phép bán lẻ rượu                                                                                                                                                                  |
| 47                                                                       |                                          | Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu                                                                                                                                                 |
| 48                                                                       |                                          | Cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu                                                                                                                                                              |
| 49                                                                       |                                          | Cấp giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh                                                                                                                              |
| 50                                                                       |                                          | Cấp lại giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh                                                                                                                          |
| 51                                                                       |                                          | Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh                                                                                                             |
| 52                                                                       |                                          | Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá                                                                                                                                                     |
| 53                                                                       |                                          | Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá                                                                                                                                    |
| 54                                                                       |                                          | Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá                                                                                                                                                 |
| 55                                                                       | <b>Kinh doanh khí (3)</b>                | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai                                                                                                                                  |
| 56                                                                       |                                          | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai                                                                                                                              |
| 57                                                                       |                                          | Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai                                                                                                                       |
| 58                                                                       | <b>Hạ tầng kỹ thuật (1)</b>              | Thủ tục Cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị                                                                                                                                 |
| 59                                                                       |                                          | Thủ tục thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện |
| 60                                                                       |                                          | Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện                          |
| 61                                                                       |                                          | Thủ tục cung cấp thông tin về Quy hoạch xây dựng                                                                                                                                           |

| STT | LĨNH VỰC                                                | TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|-----|---------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 62  | <b>Quy hoạch XD, kiến trúc, hoạt động xây dựng (15)</b> | Thủ tục thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh (trường hợp thiết kế 1 bước)                                                                                                                                           |
| 63  |                                                         | Thủ tục Cấp giấy phép xây dựng (giấy phép xây dựng mới, giấy phép sửa chữa, cải tạo, giấy phép di dời công trình) đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử-văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng của cấp Trung ương, cấp tỉnh |
| 64  |                                                         | Thủ tục Điều chỉnh, gia hạn, cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử - văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng của cấp trung ương, cấp tỉnh                                                         |
| 65  |                                                         | Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/ điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                 |
| 66  |                                                         | Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/ điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau khi thiết kế                                                                                                                                                                                                                                         |
| 67  |                                                         | Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo /Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.                                                        |
| 68  |                                                         | Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.                                           |
| 69  |                                                         | Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.                                                           |

| STT | LĨNH VỰC             | TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|-----|----------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 70  |                      | Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/DA) và nhà ở riêng lẻ. |
| 71  |                      | Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.     |
| 72  |                      | Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/ Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trona, đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.   |
| 73  | <b>Đường bộ (12)</b> | Thủ tục Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu nằm trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với đường huyện, đường đô thị, đường xã đang khai thác                                                                                                                                |
| 74  |                      | Thủ tục Gia hạn chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu nằm trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với đường huyện, đường đô thị, đường xã đang thác đang khai thác                                                                                                              |
| 75  |                      | Thủ tục Cấp giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu nằm trong phạm vi đất của đường bộ, hành lang an toàn đường bộ đối với đường huyện, đường đô thị, đường xã đang khai thác                                                                                                                  |
| 76  |                      | Thủ tục Chấp thuận lắp đặt biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với đường huyện, đường đô thị, đường xã đang khai thác                                                                                                                                  |
| 77  |                      | Thủ tục Cấp giấy phép lắp đặt các biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với đường huyện, đường đô thị, đường xã                                                                                                                                          |
| 78  |                      | Thủ tục Chấp thuận xây dựng công trình đường bộ trong phạm vi đất của đường bộ và hành lang an toàn đường bộ đối với đường huyện, đường đô thị, đường xã                                                                                                                                                |
| 79  |                      | Thủ tục Cấp giấy phép thi công xây dựng công trình đường bộ trong phạm vi đất của đường bộ và hành lang an toàn đường bộ đối với đường huyện, đường đô thị, đường xã đang khai thác                                                                                                                     |

| STT | LĨNH VỰC                                          | TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|-----|---------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 80  |                                                   | Thủ tục Chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức thi công nút giao đường nhánh đầu nối vào đường đường huyện, đường đô thị                                                                                                                                                                                                                                                               |
| 81  |                                                   | Thủ tục Gia hạn chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức thi công nút giao đường nhánh đầu nối vào đường huyện, đường đô thị                                                                                                                                                                                                                                                             |
| 82  |                                                   | Thủ tục Cấp giấy phép thi công nút giao đầu nối đường nhánh vào đường huyện, đường đô thị                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 83  |                                                   | Thủ tục Chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với đường huyện, đường đô thị, đường xã.                                                                                                                                                                                     |
| 84  |                                                   | Thủ tục Gia hạn giấy phép thi công công trình trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với đường huyện, đường đô thị, đường xã đang khai thác                                                                                                                                                                                                                        |
| 85  | <b>Công nghiệp địa phương (1)</b>                 | Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 86  | <b>Quản lý chất lượng công trình xây dựng (1)</b> | Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình (đối với các công trình trên địa bàn thuộc trách nhiệm quản lý của UBND huyện/thị xã/thành phố, trừ các công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra của Hội đồng kiểm tra nhà nước về công tác nghiệm thu công trình xây dựng và cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ Xây dựng, Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, Sở Xây dựng) |
| 87  |                                                   | Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 88  |                                                   | Xác nhận trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| 89  |                                                   | Thủ tục Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 90  |                                                   | Thủ tục Công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| 91  |                                                   | Thủ tục đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa                                                                                                                                                                                                                                                            |
| 92  |                                                   | Thủ tục đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| 93  |                                                   | Thủ tục Công bố lại hoạt động bến thủy nội địa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |

| STT                                                                                    | LĨNH VỰC                 | TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH                                                                                                                                                        |
|----------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 94                                                                                     | Đường thủy nội địa (13)  | Thủ tục đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyên quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký <u>phương tiện</u>                                      |
| 95                                                                                     |                          | Thủ tục Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyên quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký <u>phương tiện</u>                                        |
| 96                                                                                     |                          | Thủ tục Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác |
| 97                                                                                     |                          | Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện                                                                                                                           |
| 98                                                                                     |                          | Xóa giấy chứng nhận đăng ký phương tiện                                                                                                                                       |
| 99                                                                                     |                          | Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa                                                                                                                                      |
| 100                                                                                    |                          | Thủ tục Đăng ký phương tiện thủy nội địa lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa                                                                   |
| DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT, THỦY LỢI, THỦY SẢN (5) |                          |                                                                                                                                                                               |
| 101                                                                                    | Phát triển nông thôn (2) | Hỗ trợ dự án liên kết                                                                                                                                                         |
| 102                                                                                    |                          | Thủ tục phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương                                                                                                                             |
| 103                                                                                    | Thủy lợi (1)             | Thủ tục thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND huyện.                                                                       |

| STT                                                    | LĨNH VỰC                                          | TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH                                                                              |
|--------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 104                                                    | Thủy sản (2)                                      | Thủ tục sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng. |
| 105                                                    |                                                   | Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)                       |
| DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC LĨNH VỰC Y TẾ (3)    |                                                   |                                                                                                     |
| 106                                                    | Khám bệnh, chữa bệnh (3)                          | Cấp Giấy phép hoạt động đối với trạm sơ cấp cứu chữ thập đỏ                                         |
| 107                                                    |                                                   | Cấp Giấy phép hoạt động đối với điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ                                         |
| 108                                                    |                                                   | Cấp lại Giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ khi thay đổi địa điểm         |
| DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC LĨNH VỰC NỘI VỤ (34) |                                                   |                                                                                                     |
| 109                                                    | Tổ chức hành chính (3)                            | Thủ tục thẩm định thành lập tổ chức hành chính                                                      |
| 110                                                    |                                                   | Thủ tục thẩm định tổ chức lại tổ chức hành chính                                                    |
| 111                                                    |                                                   | Thủ tục thẩm định giải thể tổ chức hành chính                                                       |
| 112                                                    | Tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập (3) | Thủ tục thẩm định thành lập đơn vị sự nghiệp công lập                                               |
| 113                                                    |                                                   | Thủ tục thẩm định tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập                                             |
| 114                                                    |                                                   | Thủ tục thẩm định giải thể đơn vị sự nghiệp công lập                                                |
| 115                                                    | Thi đua - khen thưởng (8)                         | Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích thực hiện nhiệm vụ chính trị               |
| 116                                                    |                                                   | Thủ tục tặng danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến                                                   |
| 117                                                    |                                                   | Thủ tục tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở                                                       |
| 118                                                    |                                                   | Thủ tục tặng danh hiệu Lao động tiên tiến                                                           |
| 119                                                    |                                                   | Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích thi đua theo đợt, chuyên đề                |
| 120                                                    |                                                   | Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích đột xuất                                   |

| STT | LĨNH VỰC | TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH                                                         |
|-----|----------|--------------------------------------------------------------------------------|
| 121 |          | Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về khen thưởng đối ngoại            |
| 122 |          | Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về khen thưởng cho gia đình |

| STT | LĨNH VỰC                                | TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH                                                                                                                                                                                                                          |
|-----|-----------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 123 | <b>Viên chức (3)</b>                    | Thủ tục thi tuyển viên chức                                                                                                                                                                                                                     |
| 124 |                                         | Tiếp nhận vào làm viên chức                                                                                                                                                                                                                     |
| 125 |                                         | Thủ tục xét tuyển viên chức                                                                                                                                                                                                                     |
| 126 | <b>Quản lý nhà nước về tôn giáo (8)</b> | Thủ tục thông báo mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo theo quy định tại khoản 2 Điều 41 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo                                                                                                                                  |
| 127 |                                         | Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một huyện                                                                                                                          |
| 128 |                                         | Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một huyện                                                                                                                  |
| 129 |                                         | Thủ tục thông báo tổ chức hội nghị thường niên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một huyện.                                                                                                              |
| 130 |                                         | Thủ tục đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một huyện                                                                      |
| 131 |                                         | Thủ tục đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện                                                                                                                                |
| 132 |                                         | Thủ tục đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện                                                                                                                   |
| 133 |                                         | Thủ tục thông báo tổ chức quyên góp ngoài địa bàn một xã nhưng trong địa bàn một huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc |
| 134 | <b>Quản lý nhà nước về hội</b>          | Thủ tục đổi tên hội                                                                                                                                                                                                                             |
| 135 |                                         | Thủ tục thành lập hội cấp huyện                                                                                                                                                                                                                 |
| 136 |                                         | Thủ tục công nhận ban vận động thành lập hội                                                                                                                                                                                                    |
| 137 |                                         | Thủ tục phê duyệt điều lệ hội                                                                                                                                                                                                                   |
| 138 |                                         | Thủ tục chia, tách; sát nhập; hợp nhất hội                                                                                                                                                                                                      |

| STT                                                                 | LĨNH VỰC                | TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH                                                                                                            |
|---------------------------------------------------------------------|-------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 139                                                                 | (9)                     | Thủ tục báo cáo tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội cấp huyện                                                    |
| 140                                                                 |                         | Thủ tục hội tự giải thể                                                                                                           |
| 141                                                                 |                         | Thủ tục thẩm định hồ sơ người đang trực tiếp tham gia hoạt động chữ thập đỏ bị tai nạn dẫn đến thiệt hại về sức khỏe              |
| 142                                                                 |                         | Thủ tục xem xét, chi trả chi phí cho người đang trực tiếp tham gia hoạt động chữ thập đỏ bị tai nạn dẫn đến thiệt hại về sức khỏe |
| DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC LĨNH VỰC THANH TRA (10)           |                         |                                                                                                                                   |
| 143                                                                 | Giải quyết tố cáo       | Thủ tục Giải quyết tố cáo tại cấp huyện                                                                                           |
| 144                                                                 | Giải quyết khiếu nại    | Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp huyện                                                                                |
| 145                                                                 |                         | Thủ tục giải quyết khiếu nại lần hai tại cấp huyện                                                                                |
| 146                                                                 | Phòng, chống tham nhũng | Thủ tục kê khai tài sản, thu nhập                                                                                                 |
| 147                                                                 |                         | Thủ tục công khai bản kê khai tài sản, thu nhập                                                                                   |
| 148                                                                 |                         | Thủ tục Xác minh tài sản, thu nhập                                                                                                |
| 149                                                                 |                         | Thủ tục Tiếp nhận yêu cầu giải trình                                                                                              |
| 150                                                                 |                         | Thủ tục Thực hiện việc giải trình                                                                                                 |
| 151                                                                 | Tiếp công dân           | Thủ tục Tiếp công dân tại cấp huyện                                                                                               |
| 152                                                                 | Xử lý đơn thư           | Thủ tục xử lý đơn tại cấp huyện                                                                                                   |
| DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC LĨNH VỰC VĂN HOÁ - THÔNG TIN (11) |                         |                                                                                                                                   |
| 153                                                                 | Văn hóa (4)             | Thủ tục xét tặng danh hiệu Khu dân cư văn hóa hàng năm                                                                            |
| 154                                                                 |                         | Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp huyện                                                                                        |
| 155                                                                 |                         | Thủ tục đăng ký tổ chức lễ hội cấp huyện                                                                                          |
| 156                                                                 |                         | Thủ tục xét tặng Giấy khen Khu dân cư văn hóa                                                                                     |

| STT                                                               | LĨNH VỰC                                        | TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH                                                                                                                                                                                                                     |
|-------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 157                                                               | Thư viện (3)                                    | Thủ tục thông báo thành lập đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập và thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng                             |
| 158                                                               |                                                 | Thủ tục thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập, thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng |
| 159                                                               |                                                 | Thủ tục thông báo chấm dứt hoạt động thư viện đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập, thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng             |
| 160                                                               | Phát thanh Truyền hình và Thông tin Điện tử (4) | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng                                                                                                                                                |
| 161                                                               |                                                 | Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng                                                                                                                                   |
| 162                                                               |                                                 | Gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng                                                                                                                                            |
| 163                                                               |                                                 | Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng                                                                                                                                            |
| DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC LĨNH VỰC TƯ PHÁP - HỘ TỊCH (33) |                                                 |                                                                                                                                                                                                                                            |
| 164                                                               |                                                 | Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc                                                                                                                                                                                                              |
| 165                                                               |                                                 | Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận                                                                                                                        |
| 166                                                               |                                                 | Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận              |
| 167                                                               |                                                 | Thủ tục Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký, không điểm chỉ được)                                                                  |
| 168                                                               |                                                 | Thủ tục chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp                                                                                                                                           |

| STT | LĨNH VỰC                       | TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH                                                                                                    |
|-----|--------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 169 | <b>Chứng thực (12)</b>         | Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp                       |
| 170 |                                | Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản                                                          |
| 171 |                                | Thủ tục chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản                                              |
| 172 |                                | Thủ tục chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản                                                         |
| 173 |                                | Thủ tục chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch                                                      |
| 174 |                                | Thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch                                                                         |
| 175 |                                | Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực                                     |
| 176 | <b>Nuôi con nuôi (1)</b>       | Ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài           |
| 177 | <b>Bồi thường nhà nước (2)</b> | Thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại                  |
| 178 |                                | Thủ tục phục hồi danh dự                                                                                                  |
| 179 | <b>Hoà giải cơ sở (1)</b>      | Hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải |
| 180 |                                | Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài                                                                            |
| 181 |                                | Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài                                                                              |
| 182 |                                | Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài                                                                              |
| 183 |                                | Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài                                                                    |
| 184 |                                | Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài                                          |
| 185 |                                | Thủ tục đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài                                                                              |
| 186 |                                | Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài                                                                     |

| STT                                                           | LĨNH VỰC     | TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH                                                                                                                                                                                                                  |
|---------------------------------------------------------------|--------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 187                                                           | Hộ tịch (17) | Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc                                                                                                                                                                      |
| 188                                                           |              | Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài                                                                                                               |
| 189                                                           |              | Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài                                                                                              |
| 190                                                           |              | Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch) |
| 191                                                           |              | Thủ tục đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài                                                                                                                                                                                      |
| 192                                                           |              | Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân                                                                                                                                                   |
| 193                                                           |              | Thủ tục đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài                                                                                                                                                                                        |
| 194                                                           |              | Thủ tục đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài                                                                                                                                                                                        |
| 195                                                           |              | Thủ tục cấp bản sao trích lục Hộ tịch                                                                                                                                                                                                   |
| 196                                                           |              | Xác nhận thông tin hộ tịch                                                                                                                                                                                                              |
| DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN&MT (23) |              |                                                                                                                                                                                                                                         |
| 197                                                           |              | Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu                                                                                                                           |
| 198                                                           |              | Giải quyết tranh chấp đất đai đối với các tranh chấp giữa hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư với nhau                                                                                                                               |
| 199                                                           |              | Thẩm định nhu cầu sử dụng đất để xem xét giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư                                                                      |
| 200                                                           |              | Giao đất, cho thuê đất cho hộ gia đình, cá nhân; giao đất cho cộng đồng dân cư đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất                                                            |

| STT | LĨNH VỰC            | TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|-----|---------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 201 | <b>Đất đai (15)</b> | Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hộ gia đình, cá nhân                                                                                                                                                                                |
| 202 |                     | Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế                                                                                                                                                                                                                                  |
| 203 |                     | Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định |
| 204 |                     | Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 205 |                     | Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu; Tăng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất trong các trường hợp thửa đất gốc chưa được cấp Giấy chứng nhận |
| 206 |                     | Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu tài sản không đồng thời là người sử dụng đất                                                                                   |
| 207 |                     | Đăng ký bổ sung tài sản gắn liền với đất vào Giấy chứng nhận đã cấp                                                                                                                                                                                                                       |
| 208 |                     | Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm                                                                                                                                                                                |
| 209 |                     | Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất                       |
| 210 |                     | Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân                                                                                                                                                                                                                         |
| 211 |                     | Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện                                                                                                                                              |

| STT                                                                                  | LĨNH VỰC                     | TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH                                                                                                                         |
|--------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 212                                                                                  | <b>Môi trường (5)</b>        | Cấp giấy phép môi trường                                                                                                                       |
| 213                                                                                  |                              | Cấp đổi giấy phép môi trường                                                                                                                   |
| 214                                                                                  |                              | Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường                                                                                                            |
| 215                                                                                  |                              | Cấp lại giấy phép môi trường                                                                                                                   |
| 216                                                                                  |                              | Tham vấn ý kiến trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường                                                                         |
| 217                                                                                  | <b>Tài nguyên nước (2)</b>   | Đăng ký khai thác nước dưới đất                                                                                                                |
| 218                                                                                  |                              | Lấy ý kiến UBND cấp xã, cấp huyện đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh                                               |
| 219                                                                                  | <b>Chính sách thuế (1)</b>   | Thủ tục kê khai, thẩm định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải                                                                             |
| <b><i>DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC LĨNH VỰC GIÁO DỤC &amp; ĐÀO TẠO (25)</i></b> |                              |                                                                                                                                                |
| 220                                                                                  | <b>Giáo dục mầm non (5)</b>  | Thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ công lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ dân lập, tư thực. |
| 221                                                                                  |                              | Thủ tục sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ.                                                                         |
| 222                                                                                  |                              | Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục                                                                           |
| 223                                                                                  |                              | Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại                                                                   |
| 224                                                                                  |                              | Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập).                                       |
| 225                                                                                  | <b>Giáo dục tiểu học (6)</b> | Thủ tục thành lập trường tiểu học công lập, cho phép thành lập trường tiểu học tư thực.                                                        |
| 226                                                                                  |                              | Thủ tục cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục                                                                                            |
| 227                                                                                  |                              | Thủ tục sáp nhập, chia, tách trường tiểu học.                                                                                                  |

| STT | LĨNH VỰC              | TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH                                                                                  |
|-----|-----------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 228 | Giáo dục tiểu học (6) | Thủ tục giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học). |
| 229 |                       | Thủ tục cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại.                                            |

| STT | LĨNH VỰC                                                                | TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH                                                                            |
|-----|-------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 230 |                                                                         | Chuyển trường đối với học sinh tiểu học.                                                          |
| 231 | <b>Giáo dục trung học (9)</b>                                           | Thủ tục Tuyển sinh trung học cơ sở                                                                |
| 232 |                                                                         | Thủ tục tiếp nhận đối tượng học bổ túc trung học cơ sở                                            |
| 233 |                                                                         | Thành lập trường trung học cơ sở công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở tư thục. |
| 234 |                                                                         | Thủ tục chuyển đổi đối tượng học bổ túc trung học cơ sở                                           |
| 235 |                                                                         | Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động giáo dục                                                |
| 236 |                                                                         | Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở.                                                      |
| 237 |                                                                         | Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động trở lại.                                                |
| 238 |                                                                         | Giải thể trường trung học cơ sở (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường)              |
| 239 |                                                                         | Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở.                                                   |
| 240 | <b>Giáo dục và Đào tạo<br/>thuộc hệ thống giáo dục<br/>quốc dân (5)</b> | Công nhận xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.                                              |
| 241 |                                                                         | Quy trình đánh giá, xếp loại “Cộng đồng học tập” cấp xã.                                          |
| 242 |                                                                         | Thủ tục hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em mẫu giáo                                                        |
| 243 |                                                                         | Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại.                                           |
| 244 |                                                                         | Thủ tục thành lập trung tâm học tập cộng đồng.                                                    |

| STT | LĨNH VỰC | CÁ THỦ TỰ | TỤC HÀNH | MỨC ĐỘ |      |      |
|-----|----------|-----------|----------|--------|------|------|
|     |          |           |          | MĐ 2   | MĐ 3 | MĐ 4 |